TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2023/DS-ST
Ngày: 12 - 10 - 2023
V/v tranh chấp "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tấn Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang*** *tham gia phiên tòa*: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2023/TLST-DS, ngày 31 tháng 5 năm 2023 về *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 490/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đàm Thị T, sinh năm 1967; có mặt.

Địa chỉ: Số 172 (số cũ 860^{A}), đường H, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà P – Luật sư của Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty H. Địa chỉ: Số 234, đường T, khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh A; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

- Bà N. Là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị); vắng mặt.

- Ông V, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 259/1C, đường T, khóm 6, phường M, thành phố L, tỉnh A. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/10/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà N, sinh năm 1960; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 24B, đường Tôn Đức Thắng, khóm Bình Long 2, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà N: Ông V, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 259/1C, đường D, khóm 6, phường M, thành phố L, tỉnh A (Văn bản ủy quyền số công chứng 1006, Quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 13/6/2023 của Văn phòng công chứng L); có mặt.

3.2. Ông H, sinh năm 1967; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 24B, đường T, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 29/5/2023; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/5/2023; quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà T trình bày:

Ngày 17/02/2022, bà có cho Công ty H vay số tiền 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)* với mức lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng; thời hạn vay 12 tháng từ ngày 17/02/2022 đến ngày 17/02/2023; mục đích nhằm góp vốn kinh doanh mua thuốc cung cấp cho bệnh nhân. Sau khi vay, Công ty H có trả lãi đầy đủ cho bà nhận đến ngày 16/9/2023 thì ngưng. Nhận thấy đã hết thời hạn vay mà Công ty H vẫn không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả vốn gốc nên vào ngày 31/5/2023, bà có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty H cùng với bà N phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà số tiền vay vốn gốc còn nợ là 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)* và trả lãi phát sinh theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 17/9/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

Tại phiên tòa, nhận thấy hợp đồng vay vốn giữa bà với Công ty H không liên quan đến bà Nnên bà xin được rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà N cùng có trách nhiệm liên đới với Công ty H hoàn trả cho bà số tiền vay vốn gốc còn nợ là 1.000.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty H do ông V đại diện trình bày: Bị đơn thống nhất một phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn. Công ty H đồng ý hoàn trả cho bà T số tiền vay vốn gốc còn nợ là 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)*. Về phần lãi phát sinh, do Bệnh viện trả tiền lãi hàng tháng đầy đủ cho bà T nên có yêu cầu Tòa án xem xét về tiền lãi mà bà T yêu cầu. Thống nhất việc bà T rút lại một phần yêu cầu trách nhiệm liên đới đối với bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N do ông V đại diện trình bày: Bà N thống nhất với lời trình bày của bà T về việc rút lại yêu cầu trách nhiệm liên đới của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H có Đơn yêu cầu đề ngày 13/9/2023 xin được vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng cũng như các

phiên tòa tại Tòa án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Hồ Hoàng Phượng phát biểu quan điểm:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn bà T; Buộc Công ty H phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vay vốn gốc còn nợ là 1.000.000.000 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 17/9/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án. Tại phiên Toà, bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về trách nhiệm liên đới đối với bà N nên đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 244 BLTTDS năm 2015, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đã rút này của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng, về nội dung của Tòa án như sau:

Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 và điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng ông H chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với trách nhiệm liên đới đối với bà N nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bà N liên đới trách nhiệm.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 139, 357, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc Công ty H phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)* và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 17/9/2023 đến ngày 12/10/2023 cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Đàm Thị Thảo khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải trả số tiền vay còn nợ cùng lãi phát sinh nên quan hệ

pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là Công ty H có địa chỉ tại Số 234, đường T, khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H có Đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với trách nhiệm liên đới của bà N nên HĐXX đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút này của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà T xác định vào ngày 17/02/2022, bà có cho Công ty H vay số tiền 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)* với mức lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng; thời hạn vay 12 tháng từ ngày 17/02/2022 đến ngày 17/02/2023; mục đích vay nhằm góp vốn kinh doanh mua thuốc cung cấp cho bệnh nhân. Sau khi vay, Công ty H có trả lãi đầy đủ cho bà T đến ngày 16/9/2023 thì ngưng nên bà T yêu cầu Bệnh viện phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà số tiền vay vốn gốc còn nợ là 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)* và trả lãi phát sinh theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 17/9/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Bệnh viện H xác định đây là số tiền vay của cá nhân bà N nên đồng ý trả cho bà T số tiền vay vốn gốc còn nợ là 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)*, yêu cầu HĐXX xem xét về nghĩa vụ trả lãi vì vẫn thực hiện nghĩa vụ trả lãi đến ngày 16/9/2023.

HĐXX xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng góp vốn vay gia hạn lần 2 ngày 17/02/2022, phía Cty H do bà N là người đại diện theo pháp luật ký xác nhận tại thời điểm xác lập hợp đồng. Ngoài ra phía Bệnh viện H còn đưa cho bà T Sổ gửi tiền cũng như các Phiếu trả lãi đều do kế toán của Bệnh viện thực hiện qua phương thức chuyển tiền lãi vào tài khoản của bà T. Tại phiên tòa, các bên xác định Bệnh viện có trả lãi cho bà T với mức lãi suất 1%/tháng đến ngày 16/9/2023. Do đó, có căn cứ xác định Bệnh viện H đã sử dụng số tiền vay của bà T để nhằm phục vụ hoạt động của Bệnh viện và được hạch toán trên sổ sách, giấy tờ của Bệnh viện. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật dân sự năm 2015 *"Giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện với người thứ ba phù hợp với phạm vi đại diện làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện"*. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện còn lại của bà T về việc buộc Bệnh viện H phải có trách nhiệm hoàn

trả cho bà T số vốn vay 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)* là có căn cứ; phù hợp với quy định tại các Điều 139, Điều 357, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015 nên được HĐXX chấp nhận.

Về tiền lãi phát sinh mà Bệnh viện H phải trả cho bà T được tính như sau: 1.000.000.000 đồng x 1%/tháng x 25 ngày (từ ngày 17/9/2023 – 12/10/2023) = 8.333.000 đồng *(Tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)*.

Như vậy, tổng số tiền cả vốn lẫn lãi mà Bệnh viện H phải có nghĩa vụ trả cho bà T là 1.000.000.000 đồng + 8.333.000 đồng = 1.008.333.000 đồng *(Một tỷ không trăm lẻ tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)*.

[4] Án phí:

Bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện, phần yêu cầu khởi kiện còn lại được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001887, ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A.

Bị đơn Bệnh viện H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 42.249.990.000 đồng; làm tròn 42.250.000 đồng *(Bốn mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 139, Điều 357, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện đã rút của bà T về việc buộc bà N cùng chịu trách nhiệm liên đới với Công ty H trả cho bà T số tiền vay vốn gốc là 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)*.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của bà T. Buộc Công ty P phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vay vốn gốc và lãi phát sinh tổng cộng là

1.008.333.000 đồng *(Một tỷ không trăm lẻ tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)*. Trong đó, vốn gốc là 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)* và lãi phát sinh là 8.333.000 đồng *(Tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

Bà T không phải chịu án phí; hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001887, ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A.

Công ty H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 42.250.000 đồng *(Bốn mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND Tp. Long Xuyên;
- Chi cục THA DS Tp. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Thu